TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HS-PT
Ngày 08-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nông Biên Hòa.
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Thụ.
Bà Nguyễn Thị Như .

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Vinh Thịnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Quỳnh Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 27/2023/TLPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Bế Văn H do có kháng cáo của bị cáo Bế Văn H, bị hại Dương Thị L, Bế Thị T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2023/HS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Bị cáo kháng cáo:

Bế Văn H, tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; sinh ngày 16 tháng 8 năm 1978 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 08/12; con ông Bế Đức V (sinh năm 1950) và bà Hoàng Thị T2 (đã chết); Có vợ: Đàm Lục H1 (sinh năm 1978) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2005 bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/6/2022 (Có mặt);

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Phạm Văn T3 – Luật sư của Công ty L2, thuộc đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: Số B, ngõ C phố T, quận H, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt);

- *Các bị hại kháng cáo:*

1. Dương Thị L, sinh ngày 20/02/1998; (Vắng mặt)

- *Đại diện hợp pháp của bị hại Dương Thị L*: Khằm Văn T4, sinh ngày 10/6/1994; Nơi ĐKHKTT: xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng; (Có mặt);

2. Bế Thị T, sinh ngày 18/02/1993; (Có mặt);

Cùng nơi ĐKHKTT: xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Trợ giúp viên pháp lý cho các bị hại: Bà Hà Thị B - Bảo vệ theo Quyết định về việc cử Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo*:

Hoàng Thị T1, sinh ngày 24/8/1976; Địa chỉ: Xóm N, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Hoàng Văn T5, sinh ngày 05/01/1980; Nơi ĐKHKTT: xóm B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 ngày 02/3/2022, Bế Văn H, sinh năm 1978, trú tại xóm B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng điều khiển xe ô tô tải thùng biển kiểm soát 22C-057.73 đến đoạn đường cong, đường hẹp, đường dốc thuộc xóm B, xã Q, huyện T (đoạn dốc nhà văn hoá xóm Đ cũ, nay là xóm B). Khi H đang điều khiển xe ô tô quay đầu thì Dương Thị L, sinh năm 1998 điều khiển mô tô biển kiểm soát 11U1-080.20 người ngồi sau là Bế Thị T, sinh năm 1993 cùng trú tại xóm B, xã Q, huyện T đang đi từ trên dốc xuống đâm vào phần hông bên phải xe ô tô (phần giữa thùng và ca bin). Hậu quả L và T bị thương và được đưa đi Bệnh viện đa khoa tỉnh C và điều trị.

Sau khi xảy ra tai nạn, Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường, cụ thể: Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường liên xóm B - Đ (cũ) nay thuộc xóm B. Là đoạn đường bê tông, mặt đường khô, rộng 3,1m, bề mặt đường tương đối bằng phẳng, mặt đường rất dốc xuống. Lề trái bằng đất có nhiều cây cỏ dại mọc, rộng 1,1m, tiếp là taluy âm là rẫy. Lề phải rộng 0,7m bằng đất, tiếp giáp là rãnh mương xây bằng gạch xi măng, rãnh mương rộng 0,35m. Đoạn đường liên xóm nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, tầm quan sát từ vị trí xảy ra tai nạn đến đoạn đường đỉnh dốc không có vật cản che khuất. Vị trí xảy ra tai nạn được xác định là đoạn chân dốc (vị trí giao nhau giữa độ cao cũ và dốc). Vị trí xảy ra tai nạn có một lối đi vào nhà dân bằng đất rộng 3,9m, bề mặt lối đi mấp mô, lồi lõm không bằng phẳng. L1 đi vào nhà dân từ mép phải đường liên xóm đến nhà dân là 40m. Tại góc bên phải của đường liên xóm với lối đi vào nhà dân bằng đất có một bụi tre to, rộng kích thước 7,5x3,4m. Gốc cây ngoài cùng bụi tre cách mép đường phải đường liên xóm 1,85m.

Lấy mép ngoài cùng bên phải của biển báo Khu R huyện T ở lề trái đường liên xóm B làm điểm mốc, chọn mép đường bên phải của đường liên xóm hướng Bản Loà - V làm mép chuẩn.

Vị trí số 01: Xe mô tô biển kiểm soát 11U1-080.20, xe dựng kẹt vào phần tiếp giáp giữa cabin và thùng xe ô tô. Phần yếm xe bên phải được kê gối lên lốp xe phía trước bên phải của xe ô tô. Xe hơi nghiêng sang phải đầu xe nằm ở vị trí thấp hơn so với đuôi xe, đầu xe hướng V, đuôi xe hướng Bản Loà. Trục sau bên trái cách điểm mốc hướng Vĩnh Khải 23,2m, nằm ngay trên mép chuẩn, cách mép ngoài cùng của gốc cây tre ngoài cùng thuộc bụi tre đã mô tả ở trên hướng ra lòng đường 3,3m. Trục trước bên trái xe mô tô cách mép chuẩn 0,16m, nằm trên lối đi vào nhà dân bằng đất, cách trục sau bên trái xe mô tô là 1,2m. Trục bánh xe phía trước và phần đầu xe nằm dưới gầm thùng xe ô tô. Chìa khoá cắm ở vị trí khởi động (ON).

Vị trí số 2: Dấu vết trượt xước, sạch bụi màu trắng, kích thước 0,7m x 0,06m. Dấu vết có chiều hướng từ Bản Loà đi V, dấu vết nằm ngay trên mép chuẩn, một phần dấu vết nằm dưới bề mặt bánh lăn của xe mô tô tiếp xúc với bề mặt đường (bánh sau của xe mô tô). Điểm đầu của dấu vết nằm ngay trên mép chuẩn, cách trục sau bên trái xe mô tô biển kiểm soát 11U1-080.20 hướng về xóm B Loà 0,46m; điểm cuối kết thúc tại mép chuẩn cách trục sau bên trái xe mô tô biển kiểm soát 11 U1-080.20 về hướng V là 0,24m.

Vị trí số 3: Dấu vết các mảnh nhựa, kính nứt vỡ màu đỏ - đen - trắng; một chiếc ủng bên trái màu xanh; 02 dấu vết màu nâu đỏ nghi máu; lõi và phần đáy của bộ phận lọc gió dưới thùng của xe ô tô. Trên diện 2,3m x 1,4m, dấu vết nằm rải rác trên bề mặt đất của lối đi vào nhà dân và phần mép đường bên phải của đường liên xóm B. T2 dấu vết cách trục sau bên trái của xe mô tô 11U1-080.20 hướng sang phải, hướng về xóm V 0,8m. T2 dấu vết cách mép chuẩn 0,6m. Trên bề mặt vị trí số 03 ẩm ướt. Tiến hành đo 02 dấu vết màu nâu đỏ nghi máu kích thước lần lượt là 1,3m x 0,5m và 0,45m x 0,23m, khoảng cách giữa hai dấu vết là 0,5m. Kiểm tra chân ủng, bên trong sạch không có dấu vết gì. Lõi lọc gió rơi ra ngoài, phần nắp đáy của bộ phận lọc gió còn treo, một phần tiếp xúc với bề mặt đường.

Vị trí số 4: Xe ô tô biển kiểm soát 22C-057.73, đầu xe hướng Vĩnh Khải, chếch sang phải; đuôi xe hướng Bản Loà chếch sang trái. Xe nằm xiên chếch chắn ngang đường liên xóm, đầu xe có xu hướng vào lối đi bằng đất vào nhà dân. Bánh xe phía trước bên trái nằm trên mép chuẩn, bánh xe phía trước bên phải nằm trên bề mặt đất của lối đi vào nhà dân bằng đất. Trục bánh xe phía trước có hướng sang bên trái, trục bánh xe phía sau nằm trên phần đường của đường liên xóm. Trục sau bên phải cách trục sau bên trái xe mô tô 11U1-080.20 hướng về Bản Loà, hướng sang trái 2,58m, cách điểm mốc hướng về xóm V là 22m, cách mép chuẩn 2,6m. Trục trước bên phải cách mốc hướng về V là 24,5m, cách mép chuẩn là 0,85m.

Quá trình khám nghiệm: Tạm giữ: 01 xe ô tô biển kiểm soát 22C-057.73; 01 xe mô tô 11U1-080.20; Thu giữ: 02 dấu vết chất màu nâu đỏ nghi máu ở vị trí số 03 ghi mẫu số 01 và mẫu số 02; các mảnh nhựa, kính nứt vỡ ở vị trí số 3.

Để xác định rõ hơn về đoạn đường xảy ra tai nạn, ngày 03/6/2022, Cơ quan điều tra tiến hành thực nghiệm điều tra. Phương pháp thực nghiệm: Tiến hành dựng lại vị trí điểm xảy ra va chạm và vị trí xe ô tô biển kiểm soát 22C-057.73 theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 02/3/2022. Xác định vị trí độ cao cũ tiếp giáp với dốc (chân dốc), đo đạc khoảng cách giữa các vị trí.

Lấy mép ngoài cùng bên phải của biển báo khu rừng phòng hộ K huyện T (nay là huyện T) ở lề đường liên xóm B làm điểm mốc đo đạc. Chọn mép đường bên phải của đường liên xóm B - V làm mép chuẩn.

Xác định vị trí trục trước xe mô tô theo như biên bản khám nghiệm hiện trường là vị trí điểm xảy ra va chạm. Vị trí cách mép chuẩn 0,16m, cách mốc về hướng Vĩnh Khải 24,23m, đánh vị trí số 01.

Xác định vị trí xe ô tô biển kiểm soát 22C-057.73: Vị trí trục trước xe ô tô bên phải cách mép chuẩn 0,85m, cách mốc 24,5m, đánh vị trí số 02; Vị trí trục sau bên phải xe ô tô cách mép chuẩn 2,6m, cách mốc hướng về V 22m, đánh vị trí số 03.

Vị trí tiếp giáp giữa độ cao cũ và dốc (vị trí chân dốc) được xác định bằng phương pháp dùng thước thuỷ Nivo cân bằng đặt trên bề mặt đường kiểm tra độ nghiêng dốc. Xác định được vị trí tiếp giáp giữa độ cao cũ và dốc cách mốc hướng về V 32m, đánh vị trí số 04.

Kết quả thực nghiệm: Từ vị trí số 01 (vị trí điểm xảy ra va chạm) cách vị trí độ cao cũ tiếp giáp với dốc (chân dốc) là 8,4m. Tiến hành dùng thước thuỷ N cân bằng đặt tại bề mặt đường vị trí điểm xảy ra va chạm. Tại vị trí xảy ra va chạm bề mặt đường có độ nghiêng dốc, thước thuỷ Nivo ở vị trí không cân bằng.

Quá trình khám nghiệm, thực nghiệm điều tra cơ quan điều tra tiến hành vẽ sơ đồ, chụp ảnh.

Ngày 21/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành thực nghiệm điều tra lần thứ hai. Phương tiện thực nghiệm điều tra gồm máy thủy bình và mia, thước dây.

Phương pháp thực nghiệm: Tiến hành dựng lại vị trí xảy ra va chạm, vị trí xe ô tô biển kiểm soát 22C-057.73 theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 02/3/2022. Mời nhà chuyên môn (cơ quan chuyên môn) sử dụng máy thủy bình để đo độ cao và tính độ dốc của đường.

Lấy mép ngoài cùng bên phải của biển báo khu rừng phòng hộ K huyện T (nay là huyện T) ở lề trái đường liên xóm B làm mốc đo đạc. Chọn mép đường bên phải của đường liên xóm B - V làm mép chuẩn.

Hiện trạng đoạn đường khi đến thực nghiệm không thay đổi, sửa chữa gì so với thời điểm khám nghiệm hiện trường ngày 02/3/2022.

Xác định vị trí trục sau xe mô tô theo như biên bản khám nghiệm hiện trường, vị trí cách mốc hướng về V 23,3m, ở ngay mép chuẩn, cách gốc tre ngoài cùng của bụi tre ở lề phải đường (gốc tre vẫn còn sơn màu trắng từ thời điểm khám nghiệm hiện trường) 3,3m. Đặt vị trí số 01 là vị trí xảy ra va chạm.

Vị trí trục trước xe ô tô biển kiểm soát 22C-057.73 cách mép chuẩn 0,85m, cách mốc hướng về xóm V 24,5m, đánh vị trí số 03 (trục trước bên phải).

Vị trí trục sau xe ô tô biển kiểm soát 22C-057.73 cách mép chuẩn 2,6m, cách mốc hướng về xóm V 22m, đặt vị trí số 02 (trục sau bên phải).

Kết quả thực nghiệm:

Tiến hành đặt các số 04, 05, 06, 07 tại tâm đường. Từ vị trí số 01 kéo thước vuông góc với mặt đường lấy tâm đường đặt vị trí số 04.

Vị trí số 05 cách vị trí số 04 là 8,2m, độ rộng của mặt đường tại vị trí số 05 là 2,8m.

Vị trí số 06 cách vị trí số 02 hướng về xóm V là 20,45m. Độ rộng mặt đường tại vị trí số 06 là 2,9m.

Vị trí số 07 cách vị trí số 04 về hướng Bản Lòa là 69,55m, độ rộng mặt đường tại vị trí số 07 là 3,05m.

Từ vị trí số 04 đến vị trí 06 có độ dốc là 3,66%.

Từ vị trí số 04 đến vị trí số 05 có độ dốc là 6,83%.

Từ vị trí số 04 đến vị trí số 07 có độ dốc là 16%.

Từ vị trí số 06 đến vị trí 07 có độ dốc là 12,31%.

Đặt vị trí số 08 ở tâm đường cách vị trí số 04 là 32,2m, độ rộng mặt đường ở vị trí số 08 là 03m (vị trí số 08 cách vị trí số 04 về hướng Bản L).

Đặt vị trí số 09 ở tâm đường cách vị trí số 04 về hướng V 18m, độ rộng mặt đường tại vị trí số 09 là 2,9m.

Dùng thước dây kéo thẳng từ vị trí số 08 đến vị trí số 09 có độ dài 50m. Từ vị trí số 04 đo vuông góc với thước dây được kéo thẳng từ vị trí số 08 đến 09 là 1,82m.

Đường có độ dốc dọc từ vị trí số 06 lên vị trí 07 theo hướng từ xóm B đến xóm Đ cũ (nay xóm Đ sáp nhập vào xóm B). Hướng từ số 06 đến số 07 là hướng dốc lên.

Quá trình thực nghiệm điều tra, Cơ quan điều tra tiến hành vẽ sơ đồ và chụp ảnh.

Tiến hành khám nghiệm phương tiện xe ô tô tải biển kiểm soát 22C-057.73:

T6 kim loại sử dụng làm cầu thang nằm ở vị trí giữa phía trước thùng xe bên phải và phía sau cabin bên phải, phần phía dưới cùng của thanh kim loại có

dấu vết gãy cong hướng vào trong kích thước 15cm x 33cm. Vị trí gãy cao cách mặt đất 103cm.

Tại góc dưới phía sau bên phải của đầu xe có dấu vết bẹp lõm, bong tróc sơn, hướng bẹp lõm từ ngoài vào trong, kích thước 5x3cm. Thẳng ngay phía dưới là vị trí bình nước nghi nhựa màu trắng tại mặt ngoài có dấu vết nứt thủng, kích thước 3cm x 3cm.

Tại thành sườn bộ phận kim loại bảo vệ thùng xe phía dưới trước bên phải của thành thùng xe có dấu vết cong hướng từ ngoài vào trong. Vị trí cong lớn nhất có dấu vết trượt xước bong tróc sơn hướng từ sau về trước, kích thước 20cm x 4cm.

Bộ phận lọc gió phía dưới bên phải thùng xe có dấu vết nứt vỡ kích thước 30cm x 20cm, lõi và nắp đáy bộ phận lọc gió rời khỏi vị trí cố định ban đầu.

Tại mặt ngoài bên phải của bộ phận nhíp có dấu vết trượt sạch bụi, kích thước 12cm x 7cm, cao cách mặt đất 40cm.

Tiến hành khám nghiệm xe mô tô biển kiểm soát 11U1-080.20, nhãn hiệu Honda Wave RSX 110, màu sơn đỏ - đen.

Toàn bộ phần đầu xe và trục bánh xe phía trước có dấu vết nứt vỡ mất nhựa, cong vênh, biến dạng, bị xô từ trước về sau.

Toàn bộ cụm đèn chiếu sáng, tín hiệu nứt vỡ, bung bật rời khỏi vị trí ban đầu để lộ phần kim loại, tay lái, các bộ phận chi tiết từ trong ra ngoài.

Trục tay lái bị cong, xô từ trước về sau tạo thành hình chữ V, khoảng cách giữa hai núm đầu tay nắm của tay lái là 58cm.

Toàn bộ phần mặt nạ bung bật nứt vỡ rời khỏi vị trí cố định ban đầu. Kích thước 37cm x 30cm.

Hai bên cánh yếm nứt vỡ, mất nhựa, kích thước 70cm x 20cm.

Vị trí hư hỏng nặng nhất là vị trí mặt nạ phía trước xe cao cách mặt đất 78cm.

Chắn bùn phía trước có dấu vết nứt vỡ mất nhựa kích thước 15cm x 25cm.

Vành bánh xe phía trước cong vênh, biến dạng, bẹp lõm hướng vào trục, cách trục 03cm, các chân nan hoa tại vị trí này cong vênh, bung bật, đứt cụt. Vị trí bẹp lõm nhất của vành xe cách đầu chân van 30cm.

Kỹ thuật an toàn phương tiện:

Phanh tay không kiểm tra được do xe bị hư hỏng.

Phanh chân còn tác dụng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 045/22/TgT và số 046/22/TgT ngày 10/5/2022 của Trung tâm pháp y Sở Y kết luận Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Dương Thị L là 88%;

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Bế Thị T là 32%. Tổng tỷ lệ thương tích của 02 người là 120%.

Ngày 12/10/2022, Cơ quan điều tra ra Văn bản yêu cầu định giá tài sản với giá trị thiệt hại của xe ô tô biển kiểm soát 22C-057.73 và xe mô tô biển kiểm soát 11U1-080.20 tại thời điểm ngày 02/3/2022. Tại bản kết luận định giá tài sản số 59 ngày 27/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Giá của xe máy Honda Wave RSX biển kiểm soát 11U-080.20 là 2.468.000 đồng; giá xe ô tô Huyndai biển kiểm soát 22C-057.73 là 560.000 đồng. Tổng cộng 3.028.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Bế Văn H khai khi đang quay đầu xe ở đường hẹp, đường dốc thì bị xe mô tô Dương Thị L điều khiển đâm vào xe ô tô.

Dương Thị L khai chưa có giấy phép lái xe mô tô theo quy định. Khi xảy ra tai nạn, L điều khiển và người ngồi sau là Bế Thị T đều không đội mũ bảo hiểm. Điều khiển xe mô tô từ trên dốc xuống không làm chủ được tốc độ đã đâm vào xe ô tô tải đang do Bế Văn H điều khiển đang quay đầu.

Bế Thị T khai nhận khi giao xe mô tô cho Dương Thị L thì không biết L không có giấy phép lái xe mô tô. Khi L điều khiển xe mô tô xuống dốc không làm chủ được tốc độ (xuống dốc không phanh xe) đã đâm vào xe ô tô đang quay đầu.

Quá trình điều tra, Dương Thị L yêu cầu bồi thường các khoản chi phí là 100.000.000 đồng. Bế Thị T yêu cầu bồi thường sức khỏe 15.000.000 đồng và 4.800.000 đồng chi phí ăn uống.

Ngày 02/7/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe ô tô biển kiểm soát 22C-057.73 cho Hoàng Thị T1, sinh năm 1976, trú tại xóm N, xã T, huyện H và trả lại xe mô tô biển kiểm soát 11U1-080.20 cho Bế Thị T là đúng quy định pháp luật.

Vật chứng của vụ án đang được bảo quản ở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng để đảm bảo việc xét xử vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 141/CT-VKSTK ngày 28 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố Bế Văn H ra trước Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng để xét xử về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo điểm c khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án số 39/2023/HSST ngày 01-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh đã xét xử, quyết định:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bế Văn H phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"*.

- Về điều luật áp dụng và mức hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Bế Văn H 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thụ hình.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Bế Văn H.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589, 590, 600, 601 Bộ luật dân sự 2015; Điều 5 Bộ luật tố tụng Dân sự:

Bị cáo Bế Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại Dương Thị L số tiền là 55.488.703 đồng (năm mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm linh ba đồng). Trong đó, bị cáo H và bà Hoàng Thị T1 mỗi người phải chịu trách nhiệm bồi thường số tiền là 27.744.351 đồng (hai mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăn năm mươi mốt đồng).

Bị cáo Bế Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho Bế Thị T số tiền là 17.103.480 đồng (mười bảy triệu một trăm linh ba nghìn bốn trăm tám mươi đồng). Trong đó, bị cáo H và bà Hoàng Thị T1 mỗi người phải chịu trách nhiệm bồi thường số tiền là 8.551.740 đồng (tám triệu năm trăm năm mươi mốt nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

Tổng số tiền bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T1 mỗi người phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là: 36.296.091 đồng (ba mươi sáu triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn không trăm chín mươi mốt đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/6/2023 bị cáo Bế Văn H kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét vụ án một cách khách quan, toàn diện để minh oan cho bị cáo vì hành vi bị cáo không cấu thành tội phạm; ngày 12/6/2023 bị hại Dương Thị L, Bế Thị T kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tăng mức hình phạt đối với bị cáo, tăng mức bồi thường cho các bị hại; ngày 05/6/2023 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T1 kháng cáo về phần nghĩa vụ dân sự và đề nghị xem xét toàn bộ nội dung bản án một cách khách quan, toàn diện và đúng pháp luật.

*** Tại phiên toà phúc thẩm:**

Bị cáo Bế Văn H thay đổi nội dung kháng cáo từ kháng cáo kêu oan cho rằng hành vi bị cáo không cấu thành tội phạm, thay đổi kháng cáo thừa nhận hành vi là phạm tội và bị cáo cho rằng Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ là đúng, không oan; bị cáo

mong tòa cấp phúc thẩm cho bị cáo giảm hình phạt và được hưởng án treo và bị cáo có cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới là Biên lai nộp tiền bồi thường dân sự cho các bị hại với số tiền 30.022.000đ (ba mươi triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Các bị hại Dương Thị L, Bế Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, ngoài đơn kháng cáo thì các bị hại không cung cấp xuất trình tài liệu chứng cứ mới.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T1 rút toàn bộ nội dung kháng cáo; Bà T1 có cung cấp tài liệu chứng cứ mới là Biên lai nộp tiền 36.296.091 đồng (ba mươi sáu triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn không trăm chín mươi mốt đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Bị cáo Bế Văn H; các bị hại Dương Thị L, Bế Thị T; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T1 gửi đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ.

Xét về nội dung kháng cáo:

Đối với kháng cáo của bị cáo Bế Văn H: Bị cáo Bế Văn H thay đổi nội dung kháng cáo từ kháng cáo kêu oan cho rằng hành vi bị cáo không cấu thành tội phạm, thay đổi kháng cáo thừa nhận thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi là phạm tội và bị cáo cho rằng Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ là đúng, không oan, bị cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo. Về phần bồi thường dân sự: tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp một khoản tiền để bồi thường cho các bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo không có căn cứ chấp nhận vì hành vi bị cáo phạm vào tội nghiêm trọng, nhân thân xấu.

Đối với kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T1: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bà T1 rút toàn bộ kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu của bà T1.

Đối với kháng cáo của các bị hại đề nghị tăng mức án và tăng mức bồi thường đối với bị cáo Bế Văn H:

Về phần kháng cáo tăng hình phạt: Cấp sơ thẩm nhận định bị cáo không có tình tiết tăng nặng, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm

s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xử phạt bị cáo 15 tháng tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Phần kháng cáo tăng bồi thường thiệt hại: Tòa án cấp sơ thẩm đã tính toán đầy đủ các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, tổn thất tinh thần theo quy định của Bộ luật dân sự, đồng thời các bị hại đều có lỗi nên mức bồi thường như vậy là phù hợp, đúng quy định của pháp luật, nên kháng cáo của các bị hại tăng bồi thường là không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại. Sửa phần quyết định về hình phạt chính và phần trách nhiệm dân sự của Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2023/HSST ngày 01-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Bế Văn H 12 tháng tù. Ghi nhận sự tự nguyện về phần bồi thường thiệt hại của bị cáo, người liên quan cho các bị hại.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho các bị hại, bà Hà Thị B trình bày ý kiến: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh bị cáo phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự. Về hình phạt: sau khi gây tai nạn bị cáo không thăm hỏi, không bồi thường, tuy nhiên tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo đã bồi thường một khoản tiền, đây là tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị Tòa xem xét theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm bồi thường dân sự đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị hại, đề nghị tăng mức bồi thường tổn hại về tinh thần vì hiện nay sức khỏe của bị hại L chưa hồi phục và đề nghị tăng mức bồi dưỡng sức khỏe.

Các bị hại nhất trí như ý kiến của luật sư Hà Thị B.

Trong lời nói sau cùng bị cáo, bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/6/2023 bị cáo Bế Văn H có đơn kháng cáo; ngày 12/6/2023 bị hại Dương Thị L, Bế Thị T viết đơn kháng cáo; ngày 05/6/2023 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T1 Xét có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo bị cáo Bế Văn H; các bị hại Dương Thị L, Bế Thị T; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T1 viết trong hạn luật định và thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên được Tòa án chấp nhận, xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Tại giai đoạn sơ thẩm và đơn kháng cáo bị cáo cho rằng hành vi bị quy kết về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ là oan, hành vi bị cáo không cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận hành vi bị cáo gây ra là cấu thành tội phạm và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo cho rằng Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ là đúng, không oan. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ phù hợp với các căn cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của bị cáo; Lời khai của các bị hại; Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 02/3/2022, biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ngày 02/3/2022, sơ đồ và bản ảnh hiện trường vụ tai nạn giao thông, biên bản thực nghiệm điều tra ngày 03/6/2022; Bản kết luận giám định về sức khỏe đối với Dương Thị L, Bế Thị T; Biên bản thực nghiệm điều tra lần hai vào ngày 21/10/2022 cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập đúng trình tự thủ tục tố tụng. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định: Khoảng 12 giờ 30 ngày 02/3/2022, tại đoạn đường liên xóm B – Đông Rìa cũ nay là xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Bế Văn H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 22C-057.73 đang quay đầu xe ở đường hẹp, đường dốc và đoạn đường cong thì xe mô tô biển kiểm soát 11U1-080.20 do Dương Thị L điều khiển, người ngồi sau là Bế Thị T, đang đi từ trên dốc xuống đâm vào phần giữa thùng xe và ca bin xe ô tô do Bế Văn H điều khiển. Hậu quả Dương Thị L bị thương tích 88%, Bế Thị T bị thương tích 32%. Tổng cộng 120%.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có giấy phép lái xe, nhận thức được khi tham gia giao thông phải đảm bảo an toàn, không gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông khác. Với hành vi trên, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo Bế Văn H bằng Bản án số 39/2023/HS-ST ngày 01-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo điểm c khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm có tính chất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông, gây thiệt hại sức khỏe, tài sản của người khác nên phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Xét về tính chất, mức độ lỗi của hành vi phạm tội: Trong vụ án này là lỗi vô ý hỗn hợp, trong đó bị hại điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe theo quy định, không làm chủ được tốc độ, cả hai bị hại đều không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông, nên mặc dù các bị hại đều có lỗi nhưng không phải là nguyên nhân chính gây ra tai nạn. Đối với bị cáo, việc quay đầu xe tại đoạn đường hẹp, dốc là không tuân thủ đúng quy định tại khoản 4 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ *"Không được quay đầu xe ở phần đường…đường hẹp, đường dốc*". Đây là nguyên nhân chính dẫn đến va chạm làm 02 bị hại bị thương tích tổng tỷ lệ 120%. Do đó phần lỗi nhiều hơn thuộc về bị cáo.

[3]. Xét các nội dung kháng cáo:

[3.1]. Đối với kháng cáo của bị cáo Bế Văn H: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Xét kháng cáo xin giảm hình phạt: Bản án sơ thẩm nhận định bị cáo không có tình tiết tăng nặng, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo về hành vi bị cáo gây ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xử phạt bị cáo 15 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và bị cáo xuất trình thêm tài liệu là Biên lai nộp tiền bồi thường cho các bị hại với số tiền 30.022.000đ (ba mươi triệu không trăm hai mươi nghìn đồng), đây là tình tiết giảm nhẹ mới cần cho bị cáo được hưởng theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo: Hành vi bị cáo phạm vào tội nghiêm trọng, nhân thân vào năm 2005 bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

[3.2]. Đối với kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T1: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bà T1 rút toàn bộ kháng cáo, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị T1

[3.3]. Đối với kháng cáo của các bị hại đề nghị tăng hình phạt và tăng mức bồi thường:

Đối với kháng cáo tăng hình phạt: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, không có tiền án, tiền sự; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã nộp số tiền bồi thường, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo các bị hại đề nghị tăng hình phạt.

Đối với kháng cáo tăng bồi thường thiệt hại: Xác định là lỗi hỗn hợp nên mỗi bị hại Dương Thị L và Bế Thị T phải chịu 20% mức độ lỗi, do đó theo quy định Điều 590 Bộ luật dân sự xác định các khoản phải bồi thường khi sức khỏe bị xâm phạm "1…*a) Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại; b) Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại…..;c) Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc ……..d) Thiệt hại khác do luật quy định.*

2. ……. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần ….nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa ……không quá năm mươi lần mức lương cơ sở…….."

***** Mức bồi thường cho Dương Thị L:

- Các khoản chi phí hợp lý thực tế có hóa đơn, chứng từ, thu nhập thực tế bị mất: 37.781.171 đồng
- Bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 10.000.000 đồng.

- Tổn thất tinh thần 30 tháng lương cơ sở: 44.700.000 đồng.

Tổng cộng các khoản: 92.481.171 đồng. Xác định lỗi hỗn hợp nên xác định lỗi tỷ lệ 6:2:2(bị cáo 6, các bị hại mỗi người 2)

Bị cáo H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường về sức khỏe cho bị hại Dương Thị L là 55.488.703 đồng, T bồi thường cho L 18.496.703 đồng, L tự chịu trách nhiệm về phần thiệt hại do bản thân tự gây ra.

*Mức bồi thường cho bị hại Bế Thị T:

- Các khoản chi phí hợp lý thực tế có hóa đơn, chứng từ, thu nhập thực tế bị mất : 6.137.800 đồng
- Bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 5.000.000 đồng
- Tổn thất tinh thần 10 tháng lương cơ sở: 14.900.000 đồng.
- Bồi thường xe mô tô bị thiệt hại: 2.468.000 đồng

Tổng cộng các khoản: 28.505.800 đồng. Xác định lỗi hỗn hợp nên xác định lỗi tỷ lệ 6:2:2(bị cáo 6, các bị hại mỗi người 2)

Bị cáo H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường về sức khỏe cho bị hại Bế Thị T là: 17.103.480 đồng, L bồi thường cho T 5.701.160 đồng, bị hại Tươi tự chịu trách nhiệm về phần thiệt hại do bản thân tự gây ra.

Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã tính toán đầy đủ các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, tổn thất tinh thần theo quy định của Bộ luật dân sự, đồng thời các bị hại đều có lỗi nên mức bồi thường như vậy là phù hợp, đúng quy định của pháp luật; Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các bị hại không xuất trình cung cấp thêm tài liệu mới nên kháng cáo của các bị hại tăng mức bồi thường là không có căn cứ chấp nhận. Xét thấy, Bản án sơ thẩm tuyên xác định lỗi và bồi thường dân sự với số tiền trên là có căn cứ, cần xử bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bồi thường cho các bị hại theo như án sơ thẩm.

Tuy nhiên tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nộp một khoản tiền tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh để bồi thường cho các bị hại, cụ thể: Bị cáo đã nộp số tiền 30.022.000đ (ba mươi triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) để bồi thường cho các bị hại. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T1 nộp số tiền 36.296.091 đồng (ba mươi sáu triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn không trăm chín mươi mốt đồng). Xét thấy việc nộp số tiền trên của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là tự nguyện và đúng quy định pháp luật, do vậy khoản tiền trên được Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc bị cáo còn phải bồi thường cho các bị hại số tiền còn thiếu là 6.274.091đ (sáu triệu hai trăm bẩy mươi tư nghìn không trăm chín mươi mốt đồng).

[4] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đối với kháng cáo của bị cáo, các bị hại là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo còn phải chịu án phí dân sự của số tiền chưa bồi thường. Người liên quan đã bồi thường dân sự xong, do vậy không phải chịu án phí.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T1.

2. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bế Văn H; Không chấp nhận kháng cáo của các Bị hại Dương Thị L, Bế Thị T; Sửa phần quyết định về hình phạt và trách nhiệm bồi thường dân sự của Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2023/HSST ngày 01-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

2.1. Tuyên bố: Bị cáo Bế Văn H phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Bế Văn H 12 (Mười hai) tháng tù; Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thụ hình.

2.2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589; Điều 590; Điều 600; Điều 601; Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 5 Bộ luật tố tụng Dân sự, xử buộc:

Bị cáo Bế Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại Dương Thị L số tiền là 55.488.703 đồng (năm mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm linh ba đồng). Trong đó, bị cáo H và bà Hoàng Thị T1 mỗi người phải chịu trách nhiệm bồi thường số tiền là 27.744.351 đồng (hai mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăn năm mươi mốt đồng).

Bị cáo Bế Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho Bế Thị T số tiền là 17.103.480 đồng (mười bảy triệu một trăm linh ba nghìn bốn trăm tám mươi đồng). Trong đó, bị cáo H và bà Hoàng Thị T1 mỗi người phải chịu trách nhiệm bồi thường số tiền là 8.551.740 đồng (tám triệu năm trăm năm mươi mốt nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

Tổng số tiền bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T1 mỗi người phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là: 36.296.091 đồng (ba mươi sáu triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn không trăm chín mươi mốt đồng).

Ghi nhận tại giai đoạn xét xử phúc thẩm:

- Bị cáo Bế Văn H đã tự nguyện nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng 30.022.000đ (ba mươi triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) theo giấy nộp tiền ngày 05/9/2023 và số tiền này sẽ khấu trừ khi thi hành án để bồi thường cho các bị hại. Nay bị cáo còn phải bồi thường cho các bị hại số tiền **6.274.091đ** (sáu triệu hai trăm bẩy mươi tư nghìn không trăm chín mươi mốt đồng).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T1 đã tự nguyện nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng 36.296.091 đồng (ba mươi sáu triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn không trăm chín mươi mốt đồng) theo giấy nộp tiền ngày 05/9/2023 và số tiền này sẽ khấu trừ khi thi hành án để bồi thường cho các bị hại. Xác nhận Hoàng Thị T1 đã nộp đủ số tiền bồi thường dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án là các bị hại Dương Thị L, Bế Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Bế Văn H chưa bồi thường được khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa bồi thường theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm bồi thường.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Bế Văn H không phải án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền 313.705 đồng (ba trăm mười ba nghìn bẩy trăm linh năm đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Cao Bằng;
- PC 10 – CA tỉnh Cao Bằng;
- TAND huyện Trùng Khánh;
- VKSND huyện Trùng Khánh;
- Công an huyện Trùng Khánh;
- Chi cục THADS Trùng Khánh;
- STP tỉnh Cao Bằng;
- Những NTGTT;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu tòa HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Biên Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Như

Hoàng Văn Thụ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Biên Hòa